

Số: /BC-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

Kính gửi: Bộ Tư pháp

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).

Sau 03 năm triển khai thực hiện, các quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đã dần đi vào cuộc sống, tạo khung pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về thủy sản, được cộng đồng doanh nghiệp, ngư dân và các tổ chức, đơn vị ủng hộ, tuân thủ thực hiện trên cả nước.

Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

Ngày 11/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Ngày 20/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2020/NĐ-CP về ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản. Tại Điều 1 của Nghị định số 12/2020/NĐ-CP đã quy định “*Ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và*

biện pháp thi hành Luật thủy sản cho đến khi sửa đổi các quy định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”.

Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, trong đó có bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện “Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá” do đó cần triển khai hướng dẫn để áp dụng thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Sau ba năm triển khai Nghị định số 26/2019/NĐ-CP có một số nội dung cần xem xét, rà soát điều chỉnh bảo đảm tính khả thi, tiếp tục thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa theo tinh thần cải cách hành chính, phù hợp với một số luật mới được ban hành và triển khai Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Xuất phát từ những lý do trên, việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản là rất cần thiết.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể:

Việc xây dựng dự thảo Nghị định này nhằm điều chỉnh những nội dung bất cập, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với hệ thống pháp luật khác và tiếp tục thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa theo tinh thần cải cách hành chính.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan đến bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, kiểm ngư.

- Bổ sung nội dung quy định quản lý liên quan đến cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá. Đây là nội dung mới cần quy định nhằm cụ thể hóa nội dung quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư năm 2020.

- Bổ sung quy định quản lý đối với thú biển nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đặc biệt bảo đảm tương đồng với quy định của Hoa Kỳ để thực hiện đánh giá tương đương giữa hai quốc gia để tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động xuất khẩu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách: Các quy định tại phần giải thích từ ngữ

a) Xác định vấn đề bất cập: Một số từ, cụm từ trong Nghị định số 26/2019/NĐ-CP chưa được quy định trong phần giải thích thuật ngữ nên thực tế dẫn đến có một số cách hiểu khác nhau.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Cần thống nhất cách hiểu một số từ, cụm từ trong Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Sửa đổi, bổ sung một số từ, cụm từ trong Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Tạo khung khổ pháp lý cho quá trình thực hiện, bảo đảm cách hiểu thống nhất đối với các từ, cụm từ trong văn bản nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất trong toàn quốc đối với nội dung văn bản.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó sửa đổi, bổ sung một số từ, cụm từ tại phần giải thích từ ngữ.

2. Chính sách: Quy định quản lý khai thác không chủ ý đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; quy định quản lý đối với thú biển.

a) Xác định vấn đề bất cập:

Trong hệ thống văn bản hiện đang có hiệu lực thi hành chưa có nội dung quy định quản lý khai thác không chủ ý đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; quy định quản lý đối với thú biển. Tuy nhiên, hiện nay theo yêu cầu của Hoa Kỳ sẽ thực hiện đánh giá để chứng nhận tương đương với các quốc gia có thủy sản khai thác xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Theo đó, nếu quốc gia nào không có quy định và không tổ chức thực hiện nghiêm các quy định này sẽ bị đánh giá là không tương đương và sẽ bị cấm xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Mặt khác, hiện nay thị trường Hoa Kỳ là thị trường có tỷ lệ nhập khẩu lớn đối với thủy sản của Việt Nam nếu Việt Nam bị cấm xuất khẩu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác vào Hoa Kỳ sẽ là tổn thất lớn.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Nhằm công khai, minh bạch để áp dụng và bảo đảm phù hợp yêu cầu hội nhập quốc tế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Bổ sung nội dung quy định về khai thác không chủ ý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm và quản lý đối với thú biển.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động xấu tới các đối tượng có liên quan, tuy nhiên ngư dân sẽ phải đầu tư thêm chi phí để điều chỉnh ngư cụ bảo

trong quá trình khai thác không làm ảnh hưởng đến thú biển, phải chi phí cho hoạt động giám sát hoạt động khai thác đối với một số nghề khai thác có ảnh hưởng đến thú biển. Cơ quan quản lý nhà nước phải đầu tư thêm kinh phí để tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giám sát viên, cho ngư dân về các quy định này, phải đầu tư trang thiết bị để kiểm soát sản lượng lên bến, cứu hộ các đối tượng thú biển bị thương trong quá trình khai thác thủy sản của ngư dân.

- Tác động tích cực: Giúp công khai, minh bạch để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện. Vì thực tế khi khai thác thủy sản vẫn lẫn một vài loài/con thủy sản thuộc loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Tạo cơ sở pháp lý để Hoa kỳ thực hiện đánh giá tương đương bước đầu về khung pháp lý và tổ chức thực hiện trên thực tế. Điều này sẽ thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác vào thị trường Hoa kỳ.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bổ sung quy định về khai thác không chủ ý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; quản lý thú biển vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và trình Chính phủ xem xét, ban hành

3. Chính sách: Quy định Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi tham gia một, một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (gọi tắt là gia công).

a) Xác định vấn đề bất cập:

Hiện nay một số cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã có giấy chứng nhận đủ điều kiện và có nhu cầu gia công cho cơ sở khác nhưng không có quy định cụ thể về quản lý, quyền và trách nhiệm nên khó khăn trong triển khai thực hiện.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tạo khung pháp lý cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã có giấy chứng nhận đủ điều kiện và có nhu cầu gia công cho cơ sở khác thực hiện nhằm công khai, minh bạch trong áp dụng và tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Bổ sung nội dung quy định về trường hợp “Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi tham gia một, một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng” vào hệ thống văn bản hiện hành để tạo cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động xấu tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của quy định.

- Tác động tích cực:

Tạo cơ sở pháp lý cho các Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi tham gia một, một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng giúp công khai, minh bạch để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện; rõ quyền và nghĩa vụ của các bên khi thực hiện.

Góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất giống, tạo thuận lợi cho cơ quan quản lý thực hiện kiểm tra hoạt động sản xuất của các cơ sở này nhằm đảm bảo giống thủy sản cung cấp ra thị trường bảo đảm chất lượng.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bổ sung nội dung quy định “Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi tham gia một, một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng”. vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và trình Chính phủ xem xét, ban hành.

4. Chính sách: Quy định về hồ sơ cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP quy định về thành phần hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản phải có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản”.

Tuy nhiên, hiện nay nhiều cơ sở không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất dẫn tới chưa thực hiện được thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản. Điều này cũng ảnh hưởng đến việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của quốc tế.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Nhằm đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và triển khai được quy định quản lý.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Sửa đổi hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên, việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ này có thể dẫn đến việc không thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống pháp luật về thủy sản và pháp luật về đất đai đối với mục đích sử dụng đất và tính hợp pháp của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tác động tích cực: Giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động nuôi trồng thủy sản.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

5. Chính sách: Hồ sơ Đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP quy định về thành phần hồ sơ khi đăng ký nuôi thủy sản là đối tượng chủ lực hoặc lồng/bè phải có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản”.

Tuy nhiên, hiện nay nhiều cơ sở không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất dẫn tới chưa thực hiện được thủ tục đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Nhằm đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và triển khai được quy định quản lý.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Sửa đổi hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên, việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ này có thể dẫn đến việc không thống nhất, đồng bộ giữa hệ thống pháp luật về thủy sản và pháp luật về

đất đai đối với mục đích sử dụng đất và tính hợp pháp của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tác động tích cực: Giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động nuôi trồng thủy sản.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

6. Chính sách: Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tại Điều 37 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đang quy định theo hướng cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển trước, sau đó mới thực hiện giao khu vực biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, dẫn đến trường hợp có giấy phép nuôi trồng thủy sản nhưng khi thực hiện Nghị định 11/2021/NĐ-CP thì không được giao khu vực biển vì không đáp ứng quy định của ngành tài nguyên.

Mặt khác, khi cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP thì chưa biết rõ vị trí, ranh giới của địa điểm nuôi trồng thủy sản như thế nào nên cấp phép không có cơ sở, khó quản lý, trái ngược với việc thực hiện trên đất liền (có đất rồi mới xin giấy phép xây dựng, xây dựng cơ sở,...).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và trong quản lý và thống nhất với quy định quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản trong nội địa.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Nghiên cứu, sửa đổi Điều 37 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP theo hướng kế thừa hồ sơ là Quyết định giao khu vực biển hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu vực biển, không yêu cầu hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo quy định.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách:

- Tác động tích cực: Thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính phủ là thúc đẩy việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy hoạt động nuôi trồng trên biển.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và trình Chính phủ xem xét, ban hành.

7. Chính sách: Chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phải thực hiện thay đổi thông tin trong Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển

a) Xác định vấn đề bất cập:

Tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP chưa quy định đối với trường hợp thay đổi thông tin trong Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển khi tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản. Theo đó, mặc dù đã thay đổi chủ sở hữu nhưng giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển vẫn tên chủ cũ, điều này đã gây khó khăn trong quá trình kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm nếu phát hiện vi phạm trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Tạo cơ sở pháp lý để cơ sở nuôi thực hiện thủ tục thay đổi thông tin trong giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển khi đã chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển, tạo thuận lợi trong quản lý.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Bổ sung quy định trong trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phải thực hiện thay đổi thông tin trong Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển hoặc cấp lại giấy phép.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của quy định và các đối tượng có liên quan;

- Tác động tích cực: Tạo cơ sở pháp lý cho quá trình thực hiện, thông tin công khai, minh bạch tạo thuận lợi trong quản lý và đặc biệt bảo đảm quyền và

lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó sửa đổi, bổ sung nội dung quy định trong trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản phải thực hiện thay đổi thông tin trong Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển hoặc cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển.

8. Chính sách: Quy định chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản tại vùng khơi.

a) Xác định vấn đề bất cập: Nghị định số 26/2019/NĐ-CP không quy định trường hợp chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi giữa các tỉnh hoặc chuyển đổi nghề trong hạn ngạch giấy phép đã cấp cho từng tỉnh, dẫn đến tổ chức, cá nhân muốn bán tàu cá từ tỉnh này sang tỉnh khác không thực hiện được, điều này đã làm hạn chế quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Tạo cơ sở pháp lý để thực hiện chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi giữa các tỉnh hoặc chuyển đổi nghề trong hạn ngạch giấy phép đã cấp cho từng tỉnh; để tổ chức, cá nhân có thể bán tàu cá từ tỉnh này sang tỉnh khác khi không còn nhu cầu sử dụng.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Bổ sung nội dung quy định trong trường hợp bán tàu cá từ tỉnh này sang tỉnh khác, qua đó sẽ phải chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi giữa các tỉnh và cho phép chuyển đổi nghề trong hạn ngạch đã giao cho từng tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi và linh hoạt trong định hướng quản lý của từng địa phương.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách này và các đối tượng có liên quan.

- Tác động tích cực: Chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi và tính linh hoạt trong định hướng quản lý của từng địa phương; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sở hữu tàu cá nhưng không còn nhu cầu sử dụng.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Bổ sung chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi giữa các tỉnh vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và trình Chính phủ xem xét, ban hành.

9. Chính sách: Quy định về quản lý hệ thống giám sát tàu cá

a) Xác định vấn đề bất cập: Tại Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP quy định về quản lý hệ thống giám sát tàu cá chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ và thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá dẫn đến khó khăn trong quá trình kiểm tra, xử lý khi có lỗi xảy ra. Mặt khác, cần nghiên cứu để quy định rõ về trách nhiệm quản lý, sử dụng hệ thống giám sát tàu cá của Trung ương, địa phương và xử lý khi có vi phạm.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

nghiên cứu sửa đổi nội dung quy định về quản lý hệ thống giám sát tàu cá theo hướng rõ tính năng, rõ trách nhiệm quản lý.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng trực tiếp chịu sự điều chỉnh của quy định. Tuy nhiên, quy định sẽ dẫn đến việc các đơn vị cung cấp dịch vụ và thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá phải sản xuất các thiết bị có chất lượng cao hơn, cung cấp dịch chăm sóc khách hàng sau khi bán thiết bị tốt hơn.

- Tác động tích cực: Quy định này sẽ rõ hơn trách nhiệm quản lý từ Trung ương đến địa phương, các thiết bị cung cấp được bảo đảm chất lượng, ngư dân được sử dụng dịch vụ tốt hơn. Tạo cơ sở pháp lý trong vấn đề xử lý khi có vi phạm trong quá trình thực hiện.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

- Đề xuất sửa đổi quy định về quản lý hệ thống giám sát hành trình như sau: “4. Quản lý hệ thống giám sát tàu cá:

a) Tổng cục Thủy sản xây dựng, duy trì và quản lý thống nhất hệ thống giám sát tàu cá; tổ chức trực ban, theo dõi, giám sát hành trình thu nhận được từ hệ thống giám sát tàu cá; thông báo bằng một trong các hình thức như: điện thoại, thư điện tử, fax các thông tin, dữ liệu tàu cá mất tín hiệu giám sát hành trình trên biển, tàu cá vượt ranh giới được phép khai thác thủy sản trên biển đến đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin giám sát tàu cá của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Kiểm ngư, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng để tổ chức kiểm tra, kiểm soát, xử lý, tổng hợp, báo cáo theo quy định và quy chế phối hợp giữa các đơn vị.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Kiểm ngư, Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm cử đầu mối tiếp nhận, xử lý

thông tin dữ liệu hệ thống giám sát hành trình tàu cá, gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan trực vận hành dữ liệu giám sát tàu cá trung ương) để tổng hợp.

c) Tổ chức quản lý tàu cá tại các cảng cá do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định và công bố và các cơ quan chức năng khác được phép khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát tàu cá từ hệ thống giám sát tàu cá khi được Tổng cục Thủy sản phân quyền.

d) Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình có trách nhiệm cập nhật, quản lý thông tin về tàu, chủ tàu, mã thiết bị giám sát tàu cá, mã kẹp chì và tự động truyền về trung tâm dữ liệu giám sát hành trình trung ương, xử lý sự cố tín hiệu thiết bị giám sát tàu cá do đơn vị mình cung cấp; kẹp chì cố định thiết bị trên tàu khi lắp đặt mới hoặc sau khi sửa chữa; Báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá trước khi cung cấp thiết bị phải báo cáo về Tổng cục Thủy sản để tổng hợp, thông báo công khai; khi lắp đặt thiết bị trên tàu cá phải lắp ở vị trí cố định, có bảng hướng dẫn sử dụng (trên bảng có các thông tin tối thiểu: số điện thoại hỗ trợ 24 giờ/24 giờ, địa chỉ liên hệ của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá)".

- Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý hệ thống giám sát tàu cá nêu trên.

10. Chính sách: Quy định về yêu cầu, quyền và trách nhiệm của Giám sát viên trên tàu cá Việt Nam hoạt động khai thác ở vùng biển Việt Nam để nhằm giám sát hoạt động bảo vệ thú biển trong quá trình khai thác thủy sản trên biển; quy định điều chỉnh một số nội dung thông tin trong Giấy phép khai thác thủy sản để nhằm kiểm soát hoạt động của một số nghề khai thác thủy sản có ảnh hưởng đến thú biển.

a) Xác định vấn đề bắt cập: Ngày 01 tháng 01 năm 2017, Hoa Kỳ chính thức áp dụng quy định nhập khẩu thủy sản liên quan tới Luật bảo vệ thú biển (MMPA), áp dụng cho tất cả các nước đang xuất khẩu sản phẩm hải sản vào Hoa Kỳ. Để tạo điều kiện cho các quốc gia có thời gian hành động, ban hành và thực thi các kế hoạch, chiến lược và biện pháp nhằm đạt được các tiêu chí mà Luật Bảo vệ thú biển đề ra, Hoa Kỳ áp dụng miễn trừ 01 lần 05 năm duy nhất cho tất cả các nước. Sau thời hạn đó, các nước xuất khẩu hải sản vào Hoa Kỳ phải cung cấp thông tin chứng minh rằng có các chương trình, kế hoạch có tính hiệu quả tương đương với các chương trình, kế hoạch của Hoa Kỳ về việc hạn chế tác động của nghề cá lên thú biển.

Luật Bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ bao gồm các quy định về nhập khẩu các sản phẩm thủy sản vào Hoa Kỳ phải quản lý, kiểm soát việc đánh bắt ngẫu nhiên (không chủ ý) các loài thú biển. Để được phép xuất khẩu hàng thủy sản vào Hoa Kỳ, các quốc gia phải đáp ứng các điều kiện như:

- Điều kiện quy định chung: (i) Hệ thống pháp luật phải có các quy định: cố ý gây thương tích, sát hại thú biển là bất hợp pháp hoặc có quy trình chứng nhận sản phẩm hải sản được khai thác không gây tổn hại đến thú biển; (ii) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về các quy tắc, quy định, quản lý việc cố ý gây thương tích, sát hại thú biển trong khai thác thủy sản. Chương trình này phải có hiệu quả tương đương với chương trình quốc gia của Hoa Kỳ; (iv) Phải chứng minh được đã ngăn cấm việc cố ý sát hại hoặc làm bị thương nghiêm trọng các loài thú biển trong quá trình khai thác thủy sản hoặc có quy trình đáng tin cậy xác nhận sản phẩm hải sản xuất khẩu vào Hoa Kỳ không phải là sản phẩm có nguồn gốc từ việc cố ý giết hoặc làm bị thương nghiêm trọng các loài thú biển.

- Điều kiện quy định tương đương: (i) Chương trình đánh giá nguồn lợi thường niên đối với thú biển: hằng năm đối với nhóm loài suy giảm đặc biệt nghiêm trọng và 03 năm đối với nhóm suy giảm nghiêm trọng; (ii) Hệ thống phân loại các nghề khai thác thủy sản dựa trên mức độ gây tử vong hoặc thương tích đối với thú biển; (iii) Quy định về việc phải báo cáo trường hợp bắt gặp thú biển trong quá trình khai thác thủy sản; (iv) Quy định về triển khai chương trình giám sát khai thác đối với các nghề cá thuộc nhóm nghề khai thác tác động lớn đến thú biển; (v) Kế hoạch giảm thiểu đánh bắt không chủ ý đối với thú biển; (vi) Chương trình bảo tồn cá heo đối với nghề lưới vây; (viii) Quy định về việc phát triển, áp dụng các thiết bị xua đuổi cá heo; (ix) Chương trình cứu hộ thú biển (quy trình cứu hộ, mạng lưới tiếp nhận thông tin cứu hộ, trung tâm cứu hộ...); (x) Quy định về việc sản phẩm cá ngừ phải có nhãn sinh thái “an toàn đối với cá heo” (Dolphin Safe).

Tuy nhiên, quy định hiện tại của Việt Nam có liên quan đến thú biển và nghề cá của Việt Nam còn nhiều điểm chưa tương đương như: chưa có chương trình điều tra, đánh giá thường niên đối với nguồn lợi thú biển; chưa có cơ sở khoa học để phân loại các nghề khai thác ảnh hưởng nghiêm trọng đến thú biển; chưa có quy định về khai thác không chủ ý đối với thú biển....

Trong trường hợp không được đánh giá hoặc kết quả đánh giá không tương đương với các quy định, chương trình quản lý thú biển của Hoa Kỳ, thương mại thủy sản với Hoa Kỳ sẽ bị ngưng tác động, ảnh hưởng như:

(i) Cấm xuất khẩu sản phẩm thủy sản có nguồn gốc khai thác từ các nghề cá có ảnh hưởng đến thú biển (tỷ lệ đánh bắt không chủ ý trên 10%) sang Hoa Kỳ cho đến khi nước xuất khẩu chứng minh được các nỗ lực về pháp lý, quản lý và thực thi quy định nhằm giảm thiểu tác động đánh bắt không chủ ý trong các nghề khai thác thủy sản có liên quan;

(ii) Hàng năm kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ đạt khoảng ... USD với các sản phẩm chủ lực như: cá ngừ, mực, bạch tuộc... Nếu Hoa Kỳ ban hành lệnh cấm xuất khẩu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ thì hậu quả sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp trong nước, nghề khai thác hải sản và người lao động. Mặt khác, Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam hiện nay, việc cấm xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào Hoa Kỳ sẽ có ảnh hưởng lớn đến uy tín của thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới và trong cộng đồng quốc tế;

(iii) Việc thực hiện các quy định tương đương với Luật bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có điểm khác biệt so với quy định về IUU của Ủy ban Châu Âu (EC): lệnh cấm xuất khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ ngay lập tức được áp dụng đối với nghề cá của quốc gia được đánh giá là chưa tương đương. Điều này khác với cảnh báo “thẻ vàng” của EC và có thời gian khắc phục và báo cáo tiến độ thực hiện. Thời hạn cấm xuất khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả đánh giá của NOAA căn cứ thông tin, dữ liệu, bằng chứng khoa học và thực tiễn của quốc gia bị cấm xuất khẩu cung cấp theo yêu cầu của NOAA (thời gian đánh giá thông thường là 04 năm/lần).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Nội luật hóa các quy định nêu trên để tương đương với pháp luật của Hoa Kỳ.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

- Nghiên cứu, bổ sung các quy định nêu trên vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

- Tổ chức triển khai các quy định khi văn bản được ban hành và có hiệu lực thi hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Người dân, doanh nghiệp sẽ phải đầu tư kinh phí để thực hiện các quy định này dẫn đến chi phí sản xuất tăng lên, thu nhập của người dân sẽ bị ảnh hưởng. Ngư dân sẽ phải thay đổi nhận thức, loại bỏ dần các nghề xâm hại và có các giải pháp để hoạt động khai thác thủy sản không ảnh hưởng đến thú biển.

- Tác động tích cực: Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam hiện nay, nếu quy định của pháp luật Việt Nam và việc triển khai thực hiện các quy định này được Hoa Kỳ đánh giá là tương đương sẽ góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên thị trường quốc tế và việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Hoa Kỳ được thuận lợi. Về lâu dài sẽ giúp hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân và hoạt động sản xuất, xuất khẩu của doanh nghiệp được bền vững, tăng kim ngạch xuất khẩu cho đất nước.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó bổ sung quy định về quyền và trách nhiệm thực hiện chương trình Giám sát viên trên tàu cá Việt Nam hoạt động khai thác ở vùng biển Việt Nam.

11. Chính sách: Quy định quản lý đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá

a) Xác định vấn đề bất cập: Theo quy định tại Luật Đầu tư “cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá” là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, tuy nhiên chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể để tổ chức, cá nhân biết và áp dụng thống nhất, đồng bộ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Công khai, minh bạch, rõ nội dung quản lý.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Quy định cụ thể điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng có liên quan; tác động tích cực là công khai, minh bạch, rõ quyền và trách nhiệm.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó bổ sung Quy định quản lý đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá.

12. Chính sách: Công bố mở, đóng cảng cá

a) Xác định vấn đề bất cập: Quy định về hồ sơ công bố cảng cá tại Điều 61 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đã bộc lộ một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Để triển khai được thuận lợi cần phải rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Đơn giản hóa thủ tục hành chính về công bố mở, đóng cảng cá.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh một số quy định về hồ sơ nhằm bảo đảm đơn giản hóa, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng có liên quan;

- Tác động tích cực: Thủ tục hành chính được đơn giản hóa sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó sửa đổi, bổ sung về nội dung, trình tự, thủ tục công bố mở, đóng cảng cá.

13. Chính sách: Quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động từ vùng khơi trở ra cập cảng và quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng.

a) Xác định vấn đề bất cập: Theo thông lệ quốc tế, quy định của EC cần có quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động từ vùng khơi trở ra cập cảng và quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng, tuy nhiên hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn để áp dụng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Nhằm công khai, minh bạch.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Nghiên cứu, bổ sung nội dung hướng dẫn về cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động từ vùng khơi trở ra cập cảng và quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng cho tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đồng bộ.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng có liên quan; tác động tích cực là công khai, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP trong đó bổ sung về cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động từ vùng khơi trở ra cập cảng và quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng.

14. Chính sách: Chế độ, chính sách đối với Kiểm ngư.

a) Xác định vấn đề bất cập: Trước ngày Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2020/NĐ-CP, kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư và người thực hiện nhiệm vụ Kiểm ngư được hưởng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ trên biển được hưởng các chế độ: (1) phụ cấp đặc biệt; (2) phụ cấp thu hút; (3) phụ cấp khu vực; (4) phụ cấp trách nhiệm công việc theo quy định tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, Văn bản số 4950/BNV-TL ngày 14/9/2017 của Bộ Nội vụ và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như: (i) Phụ cấp đặc biệt: Mức 50% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); (ii) Phụ cấp thu hút: Mức 70% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); (iii) Phụ cấp khu vực: Hệ số 0,7 mức lương cơ sở; (iv) Phụ cấp trách nhiệm công việc, đối với: (1) Thuyền trưởng tàu kiểm ngư: Hệ số 0,5 mức lương cơ sở; (2) Máy trưởng tàu kiểm ngư: Hệ số 0,3

mức lương cơ sở; (3) Thuyền phó, máy phó, thủy thủ trưởng: Hệ số 0,2 mức lương cơ sở.

Tuy nhiên, vì Nghị định số 12/2020/NĐ-CP ngưng hiệu lực đối với quy định về chế độ và nguồn kinh phí nhà nước cấp để chi các chế độ phụ cấp, bồi dưỡng đi biển cho công chức kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư và người thực hiện nhiệm vụ Kiểm ngư (tại Điều 63 và điểm b khoản 2 Điều 65 của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP), vì vậy hiện nay phải dừng thực hiện các chế độ này. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền lợi, tư tưởng và tâm lý của công chức, viên chức và người lao động trong lực lượng Kiểm ngư.

Ngày 08/11/2021, Bộ Nội vụ đã có văn bản số 5578/BNV-TL gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chế độ chính sách đối với lực lượng Kiểm ngư. Theo đó, văn bản nêu: “*Bộ Nội vụ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu việc trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP theo hướng cho phép tiếp tục thực hiện 04 chế độ phụ cấp đã được hưởng của lực lượng Kiểm ngư (phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực và phụ cấp trách nhiệm công việc)*”.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Nhằm bảo đảm quyền lợi, ổn định tư tưởng và tâm lý của công chức, viên chức và người lao động trong lực lượng Kiểm ngư.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Giữ lại các chính sách mà kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư và người thực hiện nhiệm vụ Kiểm ngư được hưởng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ trên biển đã thực hiện và bãi bỏ một số chế độ mới và Nghị định số 12/2020/NĐ-CP như ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số 5578/BNV-TL ngày 08/11/2021.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng có liên quan;
- Tác động tích cực: Bảo đảm quyền lợi của các kiểm ngư viên, giúp kiểm ngư viên yên tâm ra khơi thực hiện nhiệm vụ.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP theo hướng tiếp tục thực hiện 04 chế độ phụ cấp đã được hưởng của lực lượng Kiểm ngư như: phụ cấp đặc biệt, phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực và phụ cấp trách nhiệm công việc theo ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số 5578/BNV-TL ngày 08/11/2021 và bãi bỏ Nghị định số 12/2020/NĐ-CP.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình dự thảo các chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, cập nhật nội dung dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách; trong quá trình lấy ý kiến dự thảo chính sách đã gửi cùng các tài liệu có liên quan để

tổ chức, cá nhân nghiên cứu, có ý kiến đề cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách trong phạm vi cả nước.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 hướng dẫn chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để biết);
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến